|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THPT PHÚ NHUẬN** |  |
| BỘ MÔN: LỊCH SỬ KHỐI LỚP: 10TUẦN: 1 /HK1 (từ 6/9 đến 11/9/2021) |  |
| **PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC** |

**Bài 1. SỰ XUẤT HIỆN LOÀI NGƯỜI**

**A. Nhiệm vụ tự học, nguồn tài liệu cần tham khảo:**

**1. Sự xuất hiện loài người và đời sống bầy người nguyên thủy**

Đọc sách giáo khoa mục 1 bài 1 trang 4-6

**2. Người tinh khôn và óc sáng tạo- Cuộc cách mạng thời đá mới**

Đọc sách giáo khoa mục 2 và 3 bài 1 trang 6-8

Tham khảo thêm bài giảng

**B. Kiến thức cần ghi nhớ:**

**1. Sự xuất hiện loài người và đời sống bầy người nguyên thủy**

Nguồn gốc loài người: do quá trình tiến hóa của sinh giới. Loài người do một loài vượn cổ chuyển biến thành

**2. Người tinh khôn và óc sáng tạo- Cuộc cách mạng thời đá mới**

- Khoảng 4 vạn năm trước đây người tinh khôn xuất hiện. Dấu tích được tìm thấy khắp châu lục. Có hình dáng và cấu tạo cơ thể hoàn thiện như người ngày nay.

- Khoảng 1 vạn năm trước đây loài người tiến vào *thời đá mới*. Đây là thuật ngữ khảo cổ học, các nhà khảo cổ học coi thời đá mới là cuộc cách mạng khi con người từ săn bắn, hái lượm, đánh cá đã tiến tới biệt trồng trọt và chăn nuôi.

**C. Bài tập:**

**1. Bài tập có hướng dẫn:**

**Học sinh đọc sách giáo khoa và hoàn thành những bài tập sau:**

**Câu 1: So sánh sự khác nhau giữa vượn cổ, Người tối cổ, Người tinh khôn**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | **Vượn cổ** | **Người tối cổ** | **Người tinh khôn** |
| **Đặc điểm** | ……………………………………………………………… | ……………………..…………………….……………………. | ……………………..…………………….……………………. |
| **Thời gian** |  |  |  |
| **Địa điểm** |  |  |  |
| **Đời sống vật chất** |  |  |  |
| **Quan hệ xã hội** |  |  |

**Gợi ý:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | **Vượn cổ** | **Người tối cổ** | **Người tinh khôn** |
| **Nhận biết** | Loài vượn có thể đứng và đi bằng hai chân, hai chi trước dùng cầm nắm | Là người nhưng chưa loại bỏ dấu tích vượn, hoàn toàn đi đứng bằng hai chân, đôi tay tự do  | Là người có hình dáng và cấu tạo cơ thể hoàn thiện như người ngày nay. |
| **Thời gian** | 6 triệu | 4 triệu | 4 vạn năm  |
| **Địa điểm** | Đông Phi, Tây Á, Đông Nam Á. | Đông Phi, Inđônêxia, TrungQuốc, Việt Nam. | Khắp các châu lục |
| **Đặc điểm** | Đứng và đi bằng hai chân, hai chi trước dùng cầm nắm | Đi đứng bằng hai chân, đôi tay tự do, thể tích hộp sọ lớn, hình thành trung tâm phát triển tiếng nói trong não | Có hình dáng và cấu tạo cơ thể hoàn thiện như người ngày nay. |
| **Đời sống vật chất** |  | + Chế tạo công cụ đá (đồ đá cũ).+ Làm ra lửa.+ Tìm kiếm thức ăn, săn bắt, hái lượm. | + Công cụ đá: Đá cũ 🡪 đá mới (ghè - mài nhẵn - đục lỗ tra cán).+ Công cụ mới: Lao, cung tên |
| **Quan hệ xã hội** | Bầy người nguyên thủy. | Thị tộc |

**Câu 2:** **Tại sao lại gọi là “cuộc cách mạng thời đá mới”? Sang thời đá mới, cuộc sống vật chất của con người có biến đổi như thế nào?**

…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………

**Những biến đổi trong đời sống vật chất của con người thời đá mới**

…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………

**Nhận xét:**

…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………………..

Gợi ý:

**Cách mạng thời đá mới** là một thuật ngữ khảo cổ học, các nhà khảo cổ học coi thời đá mới là một cuộc cách mạng khi con người từ săn bắn,hái lượm đánh cá dã tiến tới biết trồng trọt và chăn nuôi.

**Những biến đổi trong đời sống vật chất của con người thời đá mới**

+ Từ chỗ hái lượm, săn bắt=> trồng trọt và chăn nuôi

+ Làm sạch tấm da thú để che thân

+ Người ta biết làm đồ trang sức

+ Con người đã biết làm nhạc cụ…

 **Nhận xét**: Cuộc sống no đủ hơn, đẹp hơn và vui hơn, bớt lệ thuộc vào thiên nhiên.Cuộc sống con người tiến bộ với tốc độ nhanh hơn ,ổn định hơn từ thời đá mới

**2. Bài tập tự luyện:**

Câu 1: Quá trình tiến hóa từ loài Vượn cổ đến Người hiện đại đã trải qua:

A. 1 bước nhảy

B. 2 bước nhảy

C. 3 bước nhảy

D. 4 bước nhảy

Câu 2: Phát minh lớn đầu tiên đã cải thiện căn bản đời sống con người là:

A. Công cụ đá cũ

B. Cuộc cách mạng thời đá mới

C. Biết cách tạo ra lửa

D. Biết chế tạo cung tên

Câu 3: Con người đã từng bước cải biến và tự hoàn thiện mình là nhờ:

A. Những tác động của tự nhiên;

B. Biết hợp quần xã hội

C. Có óc sáng tạo

D. Quá trình lao động

Câu 4: “Nguyên tắc vàng” trong xã hội nguyên thủy

A. Sự công bằng và bình đẳng

B. Sự phân chia chức phận xã hội khác nhau

C. Sự hưởng thụ bằng nhau

D. Sự hợp tác lao động

Câu 5: Ý nào sau đây không phải là đặc điểm của một loài vượn cổ, sau chuyển biến thành người?

A. Sống cách đây khoảng 6 triệu năm.

B. Đi đứng bằng hai chân, hai tay cầm được.

C. Ăn hoa quả, lá và động vật nhỏ.

D. Săn bắt động vật ăn cỏ.

Câu 6. Cách ngày nay 30 – 40 vạn năm, trên đất nước Việt Nam đã tìm thấy dấu tích của

A. Người tối cổ.

B. Người tinh khôn.

C. Vượn người.

D. Người hiện đại.

Câu 7. Người tối cổ được tìm thấy trên đất nước ta có niên đại cách ngày nay

A. khoảng 30 – 40 vạn năm.

B. khoảng 10 – 20 vạn năm.

C. khoảng 5000 – 1 vạn năm.

D. khoảng 7000 – 1 vạn năm.

Câu 8. Người tối cổ ở Việt Nam sử dung phương thức nào để kiếm sống?

A. Săn bắt, hái lượm.

B. Săn bắn, hái lượm.

C. Hái lượm, săn bắn.

D. Trồng trọt chăn nuôi

Câu 9. Hợp quần xã hội đầu tiên của Người tối cổ gọi là

A. bầy người hiện đại.

B. bầy người nguyên thủy.

C. xã hội công xã nguyên thủy.

D. xã hội phong kiến sơ khai.

Câu 10: Người tối cổ khác loài vượn cổ ở điểm nào?

A. Đã bỏ hết dấu tích vượn trên cơ thể mình.

B. Đã biết chế tác công cụ lao động.

C. Biết chế tạo lao và cung tên.

D. Biết săn bắn, hái lượm.

**D. Nội dung chuẩn bị:**

HS cần đọc SGK trang 9-11, phân biệt thế nào là thị tộc, bộ lạc

**E. Đáp án bài tập tự luyện:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** |
| **Đáp án** | **B** | **C** | **D** | **A** | **D** | **A** | **A** | **A** | **B** | **B** |